TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 414/ 2023/HC-PT
Ngày: 21 /12/ 2023
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: ông **Phạm Văn Hợp**

ông **Phạm Ngọc Thái**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Vinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 235/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2023 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 122/2023/HC- ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 402/2023/QĐPT-HC ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị Y, sinh năm 1953. Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1948. Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Xuân B: Ông Nguyễn Xuân B. Địa chỉ: tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T1 – Phó Chủ tịch. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn N - Trưởng phòng Phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm P; Địa chỉ: C H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N - Trưởng phòng Phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 18 tháng 9 năm 2015 Công ty TNHH -, tỉnh Đắk Lắk và bà Lê Thị Y đã ký Hợp giao khoán đất sản xuất nông nghiệp ký chuyển tiếp sốA1. Hợp đồng có nội dung: Diện tích Hợp đồng nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp: 4.247m^2. Thời gian nhận khoán: Hết năm 2037. Sản phẩm nộp sản phẩm khoán là: 01 năm/ theo lộ trình từ 170kg–204 và 238 Cà phê quả tươi/4.247m^2. Tiền thuê đất hàng năm phải nộp là: 271.808 đồng. Quá trình thực hiên Hợp đồng: Không vi phạm pháp luật và thỏa thuận theo Hợp đồng nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp ký tiếp số: 114/D1 ngày 18 tháng 9 năm 2015 đối Công ty TNHH -, tỉnh Đắk Lắk theo Nghị định số: 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về "Giao khoán đất nông nghiệp trong nông lâm trường quốc doanh".

Ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 07/QĐ-UBND thu hồi 5.138.059m^2 đất của Công ty -, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk và UBND thành phố buôn M quản lý, sử dụng đất; trong đó có thửa đất của gia đình bà Y với diện tích 4500m^2;

Ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 10635/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường T, thành phố B.

Tuy nhiên, gia đình bà Y chưa được bồi thường các khoản hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất và chậm chi trả tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho dự án.

Vì vậy, bà Y khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

1. Hủy một phần Quyết định phê duyệt số: 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Buộc Ủy ban Nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phê duyệt bổ sung chính sách khi Nhà nước thu hồi đất của dự án nói trên bao gồm:

- Hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 3 Điều 20 của Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

- Lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho dự án.

- Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

Bà Lê Thị Y sử dụng thửa đất số 60, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.971,4m^2 tại tổ dân phố D, có nguồn gốc là đất nhận khoán của Công ty - (theo hợp đồng số: 114Đ1/2015/HĐ ngày 31/10/2012); Ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 07/QĐ-UBND thu hồi 5.138.059m^2 đất của Công ty -, trong đó có thửa đất số 60 bà Y nhận khoán.

Ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 10635/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường T, thành phố B; Trong đó hộ gia đình bà Lê Thị Y được bồi thường, hỗ trợ 828.051.892 đồng. Bà Lê Thị Y đã nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thực hiện dự án.

Việc bà Y khởi kiện yêu cầu được bồi thường các khoản hỗ trợ khác cho gia đình bà Y: UBND thành phố B đã áp dụng hỗ trợ khác cho gia đình bà Y theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15-03-2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đ với số tiền 828.051.892 đồng. Việc bà Y yêu cầu bổ sung hỗ trợ khác là việc đã được thực hiện.

Đối với nội dung bà Y khởi kiện yêu cầu UBND thành phố B phê duyệt bổ sung khoản tiền lãi suất do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là không có căn cứ. Bởi lẽ, ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 10635/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Y, đến ngày 18/01/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk phối hợp với UBND phường T tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Y là đúng với quy định của pháp luật. Như vậy, thời gian chi trả tiền bồi thường hỗ trợ là đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Y là không có căn cứ, đề nghị Tòa án tỉnh bác đơn khởi kiện của bà Y.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm P ***trình bày:***

Đại diện theo ủy quyền của Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đồng ý với quan điểm của Ủy ban nhân dân thành phố B và cho rằng: Bà Lê Thị Y có đất bị thu hồi nhưng đã được giải quyết đầy đủ các khoản bồi thường, hỗ trợ

theo quy định của pháp luật. Nay bà Y khởi kiện đòi tiền lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường và yêu cầu được hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 của Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Với những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 122/2023/HC- ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b, khoản 1 Điều 143; điểm b khoản 2 Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 76; Điều 82; Điều 83 Luật đất đai 2013; Căn cứ khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số ị định 01/2017/NĐ-CP"01/2017/NĐ-CP06/01/2017 của Chính phủ; Căn cứ khoản 1, 5 Điều 17; khoản 2 Điều 18; khoản 3 Điều 20 của Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Y.

1. Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc Phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk.

Buộc UBND thành phố B phải phê duyệt phương án bổ sung đối với phần "Hỗ trợ khác" được quy định khoản 3 Điều 20 của Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ cho hộ bà Lê Thị Y.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Y về việc yêu cầu UBND thành phố B phải thanh toán khoản tiền lãi suất do chậm chi trả tiền bồi thường.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/8/2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện về phần *"Hỗ trợ khác"* của bà Lê Thị Y.

Ngày 11/9/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ-VKS-HC đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện về phần *"Hỗ trợ khác"* của bà Lê Thị Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên rút lại Quyết định kháng nghị phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, xem xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30 Điều 32 điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

- Đơn kháng cáo UBND thành phố B và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là hợp lệ và trong thời hạn luật định, do vậy Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án.

- Đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ-VKS-HC ngày 11/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, tham gia phiên tòa rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 229; Điều 233 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm nói trên và chỉ xem xét kháng cáo UBND thành phố B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc đất và Hợp đồng nhận khoán của bà Lê Thị Y và quá trình thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ: Năm 2015, hộ bà Lê Thị Y ký Hợp giao khoán đất sản xuất nông nghiệp với Công ty TNHH -, tỉnh Đắk Lắk *(Hợp đồng chuyển tiếp)* đối với diện tích 4.247m^2, thời gian nhận nhận khoán đến năm 2037. Ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 07/QĐ-UBND thu hồi 5.138.059m^2 đất của Công ty -, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk và UBND thành phố buôn M quản lý, sử dụng đất; trong đó có thửa đất của gia đình bà Y với diện tích 4.500m^2. Ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 10635/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường T, thành phố B, theo Quyết định 10635/QĐ-UBND nêu trên, UBND thành phố B đã bồi thường, hỗ trợ các khoản gồm: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%; bồi thường vật kiến trúc trên đất; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo theo khoản 1, 5 Điều 17 và khoản 2 Điều 18 của Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, với tổng số tiền là

828.051.892 đồng, bà Y khởi kiện cho rằng chưa được bồi thường các khoản hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất và việc chậm chi trả tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho dự án. Nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Hủy một phần Quyết định phê duyệt số:10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phê duyệt bổ sung chính sách khi Nhà nước thu hồi đất của dự án nói trên bao gồm: Hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 3 Điều 20 của Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ và tiền lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho dự án.

Tại Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã bác yêu cầu khởi kiện về lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho dự án của bà Y và chấp nhận một phần yêu cầu về việc hủy một phần Quyết định phê duyệt số:10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, buộc UBND thành phố B phải phê duyệt phương án bổ sung đối với phần *"Hỗ trợ khác"* được quy định khoản 3 Điều 20 của Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ cho hộ bà Lê Thị Y. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Y không kháng cáo, Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng rút kháng nghị, do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét kháng cáo của UBND thành phố B.

[2.2] Xem xét kháng cáo của UBND thành phố B, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.2.1] Tại nội dung kháng cáo UBND thành phố B cho rằng, trường hợp hộ gia đình của bà Y, khi thu hồi UBND thành phố B đã áp dụng Khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ để hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình bà Y với số tiền 397.140.000 đồng, nên không được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 3, Điều 20 Quyết định số14/2022/QĐ-UBND nói trên.

[2.2.2]. Xem xét các quy định của pháp luật, xét thấy: Tại Điều 83, Luật đất đai năm 2013 quy định. Hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất

"1. Nguyên tắc hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

a) Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc được bồi thường theo quy định của Luật này còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ;

b) Việc hỗ trợ phải bảo đảm khách quan, công bằng, kịp thời, công khai và đúng quy định của pháp luật.

2. Các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm:

a) Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất;

b) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông

nghiệp; thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở;

c) Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở;

d) Hỗ trợ khác.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này."

Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP nói trên quy định: *"Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất*

Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định."

Tại khoản khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định về điều kiện được hưởng "hỗ trợ khác" khi nhà nước thu hồi đất như sau: *"Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP nhưng diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được* Ủy ban nhân dân tỉnh T2 *của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh giao địa phương, tổ chức dịch vụ công về đất đai quản lý, lập phương án sử dụng đất, khai thác quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất (kể cả Hợp đồng còn thời hạn hoặc hết thời hạn) thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do* Ủy ban nhân dân tỉnh B1 *đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 Quy định này*."

Đối chiếu trường hợp hộ gia đình bà Lê Thị Y, xét thấy: Hộ bà Y sử dụng thửa đất nhận khoán của Công ty -, thời hạn hợp đồng đến năm 2037, trong hộ gia đình bà Y có một nhân khẩu là người trực tiếp sản xuất và thu nhập nguồn sống chính từ việc sử dụng đất nông nghiệp đã nhận khoán, Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai, như vậy, hộ gia đình bà Y thuộc đối tượng được hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 3 Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ. Tuy

nhiên, xem xét Quyết định số: 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường T, thành phố B chưa có khoản hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND cho hộ gia đình bà Y là chưa đúng quy định của pháp luật, tại Bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Y, hủy một phần Quyết định số: 10635/QĐ-UBND nói trên, buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ có khoản hỗ trợ khác cho hộ bà Y là đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Các Quyết định khác về bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Y, án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 229; Điều 233; khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ-VKS-HC ngày 11/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 122/2023/HC- ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 76; Điều 82; Điều 83 Luật đất đai 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số ị định 01/2017/NĐ-CP"01/2017/NĐ-CP06/01/2017 của Chính phủ; khoản 1, 5 Điều 17; khoản 2 Điều 18; khoản 3 Điều 20 của Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Y.

1. Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc Phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk.

2. Buộc UBND thành phố B phải phê duyệt phương án bổ sung đối với phần "Hỗ trợ khác" được quy định khoản 3 Điều 20 của Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ cho hộ bà Lê Thị Y.

3. Các Quyết định khác về bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Y, án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 34, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004068, ngày 13/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- Cục THADS tỉnh Đăk Lăk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trương Công Thi